

Số: 12/QĐ-LĐC

Đắk Song, ngày 04 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc công khai thu, chi ngân sách Nhà nước quý I năm 2025”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ ĐÌNH CHÍNH

Căn cứ thông tư 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 bộ tài chính, hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28 tháng 09 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017 ngày 15 tháng 06 năm 2017 của bộ tài chính

Căn cứ thông tư số: 09/2024/TT – BGDDT ngày 03/06/2024 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Quyết định số 215 /QĐ-PGD&ĐT ngày 30 /12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025. cho các đơn vị trường trực thuộc phòng Giáo dục và đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai quyết toán chi ngân sách Nhà nước quý I năm 2025 của đơn vị trường tiểu học Lê Đình Chính (thông báo kèm theo).

Điều 2. Thông báo công khai được niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị kể từ ngày 08 tháng 04 năm 2025 đến ngày 28 tháng 04 năm 2025 và thông báo rộng rãi cho cán bộ công chức trong đơn vị.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận kế toán và cán bộ, giáo viên, CNV thuộc đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thào

Đơn vị: Trường Tiểu học Lê Đình Chinh

Chương: 622



THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU- CHI NSNN QUÝ I NĂM 2025
(Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu		Số liệu báo cáo QT	Số liệu được QT
A	Quyết toán thu			
I	Tổng số thu			
1	Thu phí, lệ phí			
2	Thu hoạt động SXKD, cung ứng dịch vụ			
3	Thu viện trợ			
4	Thu sự nghiệp khác			
II	Số thu nộp NSNN			
1	Phí, lệ phí			
2	Hoạt động SXKD, cung ứng dịch vụ			
3	Viện trợ			
4	Hoạt động sự nghiệp khác			
III	Số được để lại chi theo chế độ			
1	Phí, lệ phí			
2	Hoạt động SXKD, cung ứng dịch vụ			
3	Viện trợ			
4	Hoạt động sự nghiệp khác			
B	Quyết toán chi			
I	Phí, lệ phí được để lại sử dụng			
II	Quyết toán chi NSNN		2.319.053.274	2.319.063.274
1 KINH PHÍ TỰ CHỦ			2.241.097.274	2.241.097.274
	Giáo dục tiểu học		2.241.097.274	2.241.097.274
	Tiền lương	6000	1.007.292.780	1.007.292.780
	Lương theo ngạch, bậc	6001	1.007.292.780	1.007.292.780
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6050	20.075.250	20.075.250
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6051	20.075.250	20.075.250
	Phụ cấp lương	6100	885.927.035	885.927.035
	Phụ cấp chức vụ	6101	20.709.000	20.709.000



	Phụ cấp khu vực	6102	186.732.000	186.732.000
	Phụ cấp ưu đãi nghề	6112	482.600.431	482.600.431
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	6113	4.914.000	4.914.000
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	6115	176.370.004	176.370.004
	Phụ cấp khác	6149	14.601.600	14.601.600
	Các khoản đóng góp	6360	282.532.902	282.532.902
	Bảo hiểm xã hội	6301	210.396.841	210.396.841
	Bảo hiểm y tế	6302	36.068.030	36.068.030
	Kinh phí công đoàn	6303	24.045.354	24.045.354
	Bảo hiểm thất nghiệp	6304	12.022.677	12.022.677
	Thanh toán dịch vụ công cộng	6599	7.479.465	7.479.465
	Tiền điện	6501	7.479.465	7.479.465
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5690	1.889.842	1.889.842
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	5695	1.889.842	1.889.842
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	7900	16.400.000	16.400.000
	Chi mua hàng hóa, vật tư	7001	16.400.000	16.400.000
	Chi khác	7750	19.500.000	19.500.000
	Chi các khoản khác	7799	19.500.000	19.500.000
			77.966.000	77.966.000
2	KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ			
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6050	77.966.000	77.966.000
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6051	77.966.000	77.966.000